

TỪ GÓC ĐỘ LỊCH SỬ LƯU DÂN NHẬN DIỆN VỀ VỊ THẦN CHỦ TRÊN VÙNG NÚI BÀ ĐEN VÀ SỰ GIAO THOA TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG Ở TÂY NINH

LÊ BÁ VƯƠNG*

1. Vùng núi Bà Đen - Nơi tụ cư của nhiều tộc người, nhiều tôn giáo

Vùng núi Bà Đen nay thuộc tỉnh Tây Ninh sớm đã có con người đến sinh sống. Tuy nhiên, thời kỳ cổ trung đại phần lớn đất đai của Tây Ninh vẫn còn hoang hóa. Ghi chép trong *Đại Nam nhất thống chí* phần nào cho chúng ta cảm nhận về điều này: “Gò đồi trùng điệp, rừng rú liên dăng, cây cối cao lớn chọc trời, rậm rạp hàng vài trăm dặm” (1). Chính thực tế đó mà người Khmer đặt cho vùng đất này cái tên Romdum Ray (Chuông Voi). Từ thế kỷ XVII, nơi đây trở thành địa bàn quy tụ nhiều nhóm cư dân tới khai hoang, lập nghiệp. Người Việt đến cộng cư với một bộ phận người bản địa khai phá vùng đất Tây Ninh (chủ yếu là các vùng đất ở phía Nam tương ứng với Trảng Bàng, Gò Dầu ngày nay). Viết về vùng đất Tây Ninh, tác giả Huỳnh Minh khẳng định: “Từ Phiên trấn dinh, người Việt tập trung ở đây đã rất đông đảo rồi đi dần lên hướng bắc qua vùng Hóc Môn, Củ Chi ngày nay đến vùng Trảng Bàng lên Gò Dầu Hạ đến tận vùng chân núi Bà Đen” (2). Đất Tây Ninh thời điểm này gồm đạo Quang Hóa và Quang Phong được tích hợp vào huyện Phúc Long trực thuộc dinh Phiên Trấn của Đàng Trong.

Giữa thế kỷ XVIII, vua Nặc Nguyên của Chân Lạp một vài lần đem quân cướp giết người Champa ở khu vực Bình Thuận và miền Đông Nam Bộ ngày nay. Trước tình hình đó, Nguyễn Cư Trinh dâng kế sách lên phủ chúa Nguyễn với phương án thu phục nhóm người Chăm bị tấn công này, “cho họ ở vào đất ấy để chế ngự, dùng người Man đánh người Man, cũng là đặc sách” (3). Chúa Nguyễn Phúc Khoát đã triển khai phương kế này. Theo đó, vào tháng 11 năm 1753, chúa Nguyễn Phúc Khoát giao cho Ký lục Nguyễn Cư Trinh làm tham mưu điều khiển tướng sĩ 5 dinh (gồm các dinh Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ) và một lực lượng người Chăm đi chinh phạt Chân Lạp, sau đó đã đưa một số dân Chăm ở Chân Lạp về sinh sống ở chân núi Bà Đen. Cuộc chinh phạt kế tiếp diễn ra vào năm 1754. Sách *Gia Định thành thông chí* ghi lại sự kiện diễn ra vào tháng 6 năm 1754 như sau: “Chia quân Gia Định ra làm hai đạo, Nghi Biểu hầu đem kỳ binh từ sông Bát Đông tiến phát, quân đến đâu địch thua đến đó, rồi đến Tân Lê Bắc ra sông lớn hội cùng chính binh Tiên Giang của Thiện Chính hầu ở đồn Lò Yêm. Bốn phủ Xoài Lạp (Soi Rạp)... Vì lúc ấy Cao Miên nhượng đất cho

*TS. Trường Đại học Văn hóa, Tp.Hồ Chí Minh

dân ta rồi cả sóc dời đến xứ Quang Hóa (Trảng Bàng) nay là địa giới trấn Phiên An, tên sóc nay vẫn còn), Tầm Đôn, Cầu Nôm và Nam Vang của Cao Miên đều hàng” (4). Một năm sau (1755), chúa Nguyễn Phúc Khoát lại sai Nguyễn Cư Trinh làm tham mưu, cùng Thống xuất Thiện Chính điều khiển quân đội Đàng Trong đồng thời sử dụng một nhóm người Champa làm hướng đạo, tiếp tục tiến hành chinh phạt Chân Lạp, sau đó đã bảo hộ khoảng 5000 (5) người Chăm lưu vong về vùng núi Bà Đen sinh cư. Quốc sử quán triều Nguyễn ghi lại sự kiện này: “Ra lệnh cho người Côn Man bỏ Kha Khâm, đem bộ lạc và xe cộ đến đóng ở Bình Thạnh. Đi đến Vô Tà Ôn bị quân Chân Lạp hơn 3 vạn người đuổi theo đánh úp,... 5 đội tùy binh đến cứu. Quân Chân Lạp phải lui. Nguyễn Cư Trinh bèn hộ vệ hơn 5000 trai gái Côn Man về đóng ở chân núi Bà Đinh... Chúa sai Cai đội Trương Phúc Du thống xuất quân đội, dùng người Côn Man làm hướng đạo, sang đánh Cầu Nam, Nam Vang, giết được mấy người Ốc Nha. Nặng Nguyên chạy về Hà Tiên, nương tựa đô đốc Mạc Thiên Tứ” (6). Như vậy, liên tục trong 3 năm, trên vùng đất Tây Ninh ngày nay đã diễn ra các cuộc hành binh lớn của quân đội Đàng Trong, kết quả đã đẩy lùi quân đội Chân Lạp về đất Campuchia ngày nay, đồng thời tổ chức ổn định lại đời sống của người dân nơi biên viễn. Ngoài nhóm người Khmer lưu lại, đã có một số lượng không nhỏ người Việt, người Hoa và người Chăm đến tụ cư trên vùng núi Bà Đen.

Tây Ninh giai đoạn đầu khai phá, do là tuyến biên cương trọng yếu nên luôn trong hoàn cảnh tranh chấp, bất ổn định. Tình trạng đó kéo dài đến những thập niên đầu của thế kỷ XIX. Năm 1834, khoảng hơn 700 quân Xiêm vượt rạch Xi Khê (rạch Tây Ninh), âm mưu tấn công Gia Định, cứu

viện cho Lê Văn Khôi. Quân nhà Nguyễn đã đánh tan đội quân của Lê Văn Khôi, buộc quân Xiêm phải lui vào sâu lãnh thổ Chân Lạp: “Giặc Xiêm nhiều lần bị thua, đã bỏ Châu Đốc, ngâm trốn,... Còn đạo Quang Hóa, trước đây có chỉ dụ bảo không nên vội đi vào sâu, là vì bấy giờ giặc Xiêm còn ở Châu Đốc cầm cự với quân ta nên chưa tiện đem quân cơ tiến đánh một mình, nay thủy binh ta đã đánh lui được bọn giặc rồi, vậy nên sức ngay cho bọn Lê Đại Cương và Nguyễn Hoàng Thỏ đốc thúc binh đồng và thổ binh Chân Lạp tiến mau,... đến hai châu Tầm Bôn và Mương Bồng, thì lũ giặc đã bỏ trốn, chạy trước, bèn trở lại đóng ở Cam Giang” (7). Đến năm 1836 triều Nguyễn mới “bắt đầu đặt phủ Tây Ninh thuộc Gia Định, lĩnh hai huyện Tân Ninh và Quang Hóa” (8). Các tác giả sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi lại quyết định của vua Minh Mệnh như sau: “Nguyên trước là đạo Quang Phong, năm Minh Mệnh thứ 17 mới đặt tên phủ hiện nay, kiêm lý huyện Tân Ninh và thống hạt huyện Quang Hóa,... Huyện Quang Hóa,... hồi đầu bản triều đặt đạo Quang Phong ở địa phận thôn Cẩm Giang, năm Minh Mệnh thứ 5 đắp bảo gọi là bảo Quang Hóa, năm Minh Mệnh thứ 17 bỏ đạo, đặt tên huyện hiện nay, thuộc phủ Tây Ninh thống hạt” (9). Tây Ninh trong đó tâm điểm là vùng núi Bà Đen năm 1837 đã có khá nhiều nhóm người sinh sống: “Một dải địa phương thành Quang Hóa, tỉnh Gia Định, giáp với các phủ Tuy Lạp, Tầm Đôn, Kha Lâm và Bà Nam thuộc thành Trấn Tây, địa thế rất xung yếu. Năm trước đặt đạo Quang Hóa và các thủ sở Thuận Thành, Quang Phong, Quang Phục, Quang Uy, Kiên Uy coi giữ; các trại Phiên, Chàm quy phụ kể có hàng ngàn” (10). Do sự khác nhau về phong tục, tập quán nên một số người Khmer tự động lui về hướng tây, một

bộ phận khác lùi sâu vào lãnh thổ Campuchia ngày nay. Chưa thấy nguồn sử liệu nào đề cập tới xung đột gay gắt giữa lưu dân Việt với cư dân bản địa. Có thể không hoặc ít xảy ra. Ghi chép của Trịnh Hoài Đức về tình hình ở phủ Gia Định trong các thế kỷ XVII - XVIII cho chúng ta hình dung phần nào về hiện tượng này: “Lúc ấy địa đầu của Gia Định là Mô Xoài và Đồng Nai, tại hai xứ ấy đã có dân của nước ta đến cùng với dân Cao Miên khai khẩn ruộng đất. Người Cao Miên rất khâm phục uy đức của triều đình, họ đem nhượng đất ấy rồi kéo nhau tránh đi nơi khác chẳng dám tranh chấp điều gì” (11).

Những gì diễn ra trong các thế kỷ XVII - XIX cho thấy, do có địa thế xung yếu, vùng đất Tây Ninh được các chúa Nguyễn cũng như vua Nguyễn rất chú ý và trên thực tế đã có những cuộc di dân lớn đến đây, chủ yếu là xung quanh núi Bà Đen nhằm xác lập chủ quyền lãnh thổ. Khi người Việt và người Champa đến vùng đất Tây Ninh ngày nay, vùng núi Bà Đen trở thành nơi tụ cư của nhiều cộng đồng tộc người gồm người Khmer (Phiên - thổ dân -Man), người Việt (Kinh), người Hoa và Champa (Chăm - Côn Man).

Các ghi chép từ một số nguồn sử liệu như đã nêu trên tuy không nhiều nhưng cũng đủ minh chứng một thực tế rằng, đến giữa thế kỷ XIX, vùng núi Bà Đen của tỉnh Tây Ninh ngày nay đã được khai phá, trở thành một vùng đất đa tộc người. Đây là cơ sở để nhiều tôn giáo, tín ngưỡng du nhập và phát triển. Trước hết là sự tồn tại của tôn giáo, tín ngưỡng Khmer bản địa mà đậm nét nhất ở Phật giáo Theravada và tín ngưỡng thờ nữ thần. Tiếp đến là sự hiện diện các tôn giáo, tín ngưỡng Chăm, Việt và Hoa. Đa tộc người, đa tôn giáo, tín ngưỡng là nét đặc trưng của Tây Ninh, đặc biệt ở vùng núi thiêng Bà Đen. Nơi đây

Phật giáo, Balamon giáo, Saman giáo cùng tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ cúng tổ tiên,... cùng tồn tại để đáp ứng đời sống tâm linh của người dân.

2. Bà Đen - Vị thần chủ trên vùng núi thiêng đồng thời là biểu tượng của sự hội tụ và giao thoa tôn giáo, tín ngưỡng ở Tây Ninh

Hiện nay, Bà Đen là danh xưng được nhiều người Việt Nam dùng để định danh cho vùng đất gắn liền với ngọn núi Bà Đen (12) tọa lạc giữa vùng đồng bằng rộng lớn, bên cạnh núi có một hồ nước ngọt lớn (hồ Dầu Tiếng) đưa nước đổ vào sông Sài Gòn. Núi Bà Đen là quần thể 3 ngọn núi liên nhau, trải rộng khoảng 24km² gồm có núi Bà cao 986 m (cao nhất vùng Đông Nam Bộ), núi Phụng cao 372 m và núi Heo cao 335 m. Núi Bà Đen hiện nay thuộc địa bàn 3 xã Ninh Sơn, Tân Bình và Thạnh Tân của Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Sách *Đại Nam nhất thống chí* phản ánh: “Linh Sơn cách Tân Ninh 20 dặm về phía tây bắc, hình núi cao chót vót là trấn sơn của tỉnh, phía tây giáp địa giới Cao Miên, lưng núi có chùa đá ít người đi đến. Tác giả sách *Gia Định thành thông chí* viết: núi Bà Định đất đá cao vót, cây cối um tùm, nước ngọt, đất màu, trên núi có chùa Linh Sơn, chân núi sát với hồ chằm, cảnh trí đẹp đẽ, rừng hồ hiểm sâu, thôn xóm người Hoa, người Man, dân nhờ mối lợi núi rừng” (13). Với địa thế đặc biệt, thế nên núi Bà Đen từ xưa đã trở thành chốn linh thiêng được nhiều người chọn làm nơi lập đền miếu thờ thần linh, am chùa thờ Phật.

Trên núi hiện nay có nhiều điểm thờ Bà Đen (14). Có thể nói, theo tâm thức của người dân, Bà Đen đã “hiển linh” khắp vùng núi theo dạng thức: nơi nào có am chùa, nơi đó sẽ có sự hiện diện của Bà Đen. ở mỗi diện thờ, tuy được tạo tác dưới các bộ dạng khác nhau nhưng thống nhất ở chỗ Bà là vị

Thánh Mẫu (Bà Chúa Xứ) mang gạch trệt Thượng Thượng Đẳng Thần có uy linh cao nhất. Nói cách khác, Bà Đen chính là vị thần chủ của vùng núi linh thiêng này.

Từ góc độ lịch sử lưu dân và quá trình vận động giao thoa và lan tỏa tôn giáo, tín ngưỡng cho thấy, Bà Đen có nguồn gốc từ một vị nữ thần của người Khmer bản địa. Nhưng qua quá trình giao thoa, Bà Đen đã được bổ sung thêm những lớp tôn giáo, tín ngưỡng từ các nhóm tộc người khác (đặc biệt là của người Việt) để trở thành Linh Sơn Thánh Mẫu. Điều này phần nào thể hiện qua ba huyền tích dân gian về Bà vẫn đang lưu truyền trong vùng hiện nay, gắn liền với câu chuyện về nàng Rê Đeng (15), nàng Lý Thị Thiên Hương (16) và nàng Đênh (17). Cả ba huyền tích này có một số nội dung khác nhau nhưng vẫn cho chúng ta biết về một người con gái xinh đẹp có làn da xạm đen (một đặc điểm nhân chủng của người Khmer). Ngay tục danh "Bà Đen" cũng làm chúng ta liên tưởng đến nét sơ khai của hình tượng một vị nữ thần thuộc văn hóa Khmer bởi hình tượng Bà Đen còn đi liền với hình tượng Bà Trắng. Hai vị nữ thần này trong văn hóa của Khmer được biết đến dưới tên gọi lần lượt là Neang Khmau và Neang Mé Sar. Khi các cộng đồng người Việt và Chăm di cư vào vùng núi này, với tâm thức thờ Mẫu có sẵn, người dân dễ dàng tiếp nhận nữ thần Neang Khmau và tôn thờ Neang Khmau hơn Neang Mé Sar.

Do cùng hình thành trên nền tảng văn minh nông nghiệp lúa nước với tư duy thiên về âm tính, đề cao nguyên lý Mẹ, người Việt, người Chăm và người Khmer đều tôn thờ các nữ thần. Quá trình cộng cư và tiếp nhận lẫn nhau những yếu tố tương thích để tạo dựng cuộc sống mới đã dẫn đến sự giao thoa mạnh mẽ trong tôn giáo, tín

ngưỡng. Sự tiếp biến lẫn nhau giữa các yếu tố Việt - Chăm - Khmer đã tạo ra những dạng thức tôn thờ chung và tiêu biểu nhất là hệ thống tín ngưỡng thờ Bà Mẹ Xứ Sở. Cụ thể trên vùng núi thiêng này là Linh Sơn Thánh Mẫu.

Sự ảnh hưởng của lớp tôn giáo tín ngưỡng Chăm trên vùng đất Tây Ninh dễ dàng nhận diện qua hình tượng Bà Đen. Trong đời sống tâm linh của người Chăm, các vị thần Balamon giáo đã được bổ sung thêm quyền năng từ các nữ thần ở tín ngưỡng dân gian bản địa hoặc ngược lại trong mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau. Hệ thống các nữ thần như Mẹ Xứ Sở (Rija Nugar), Nữ thần biển (Po Riyak), Mẹ Xứ Rừng (Humu Aram), Mẹ Xứ Chài (Humu Chanok), Nữ Thần - Mẹ Xứ Sở (Po Yan Ina Nugar), Mẹ Xứ Sở (Sơn nữ - Bhagavati), Mẹ Xứ Sở (Po Inu Nugar), Nữ thần Kauthara, Nữ thần Parvati, Nữ thần Uma, Nữ thần Muk Juk, Nữ thần Kali,... chủ yếu được người Chăm bổ sung thêm uy linh của thần Shiva hoặc Nữ thần Devi (vợ thần Shiva). Có khi được coi là những dạng thức hóa thân của các vị thần đó. Chẳng hạn như theo quan niệm của Balamon giáo chính thống, Nữ thần Devi là vị thần của tri thức, âm nhạc, nghệ thuật và thiên nhiên, nhưng đến với người Chăm, Nữ thần Devi khi hóa thân dị ứng thường được hiển linh với các tên gọi là Parvati, Uma, Gauri, Po Yan Pu Nagara hoặc Po Yan Ina Nugar; Còn trong dạng thức hóa thân dữ tợn, nữ thần này được xưng danh bằng các tên như Durga, Bhagavati, Kali,... Đáng chú ý rằng, vị nữ thần xứ sở trong tôn giáo, tín ngưỡng Chăm chính là Po Inu Nagar còn được biết đến với tục danh là Muk Juk (theo Việt ngữ có nghĩa là Bà Đen). Điều này đã khẳng định dấu ấn của lớp tôn giáo, tín ngưỡng Chăm ở vùng Linh Sơn này.

Bên cạnh đó, không thể phủ nhận sự hiện diện của tôn giáo, tín ngưỡng Việt trong hình tượng Bà Đen. Hơn nữa, lớp tôn giáo, tín ngưỡng Việt ngày càng sâu đậm nếu không muốn nói là lấn lướt dần các yếu tố Khmer và Chăm khi đa số cư dân ở Tây Ninh hiện nay là người Việt. Lý giải về nguồn gốc dẫn đến hình tượng Bà Đen, tác giả tiếp cận thêm từ phương diện lịch sử di dân khai phá Nam Bộ và đặc trưng tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt.

Khi di cư vào vùng núi này, với tâm thức thờ Mẫu sẵn có, người Việt dễ dàng thấu nhận Nữ thần Neang Khmau và tôn thờ Bà hơn Nữ thần Neang Mé Sar, tương tự như dạng thức tôn thờ Bà Chúa Xứ ở một số nơi khác trên vùng đất Nam Trung Bộ và Nam Bộ ngày nay. Trong quá trình giao thoa văn hóa, người Việt đã sử dụng phương thức tiếp biến một cách hòa bình các yếu tố bản địa để tạo nên xung lực mới trong đời sống tâm linh của mình. Điều này đã được sử dụng rất thành công trong quá trình chiếm lĩnh và khai phá vùng đất Champa trước đó. Lịch sử hình thành vùng đất phương Nam ghi nhận một thực tế: người Việt đến đâu, Tam giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ tổ tiên có mặt ở đó và tự thích nghi nhanh chóng trên tinh thần hỗn dung với các tôn giáo, tín ngưỡng dân gian bản địa. Với sự hiện diện rộng khắp của tín ngưỡng thờ nữ thần, không phải cộng đồng lưu dân có xu hướng bị thu hút bởi các thần bản địa đó mà ngược lại, người Việt nhận thấy ở đó tiềm tàng sức mạnh để có thể bổ sung cho truyền thống của mình. Vì vậy, lưu dân Việt đã “Việt hóa” tôn giáo, tín ngưỡng bản địa bằng các giai thoại, truyền thuyết mới nhưng vẫn lưu giữ lại chi tiết bản địa đồng thời cũng là yếu tố trung tâm: Nữ thần - Thánh Mẫu. Tính “mở” của người Việt trong ứng đối với tôn

giáo, tín ngưỡng bản địa đưa đến hiện tượng nhiều vị thần được “Thánh hóa”, “Phật hóa” hoặc “quy về cõi Phật” hay được tôn thờ theo dạng thức “tiền Phật hậu Thánh”. Motif này được lặp lại hầu khắp vùng đất Nam Bộ. Ở nhiều nơi các thần bản địa được quy tập vào ngôi miếu trong khuôn viên chùa với vai trò như một thiết chế đồng tôn, được người dân biên chế vào hàng ngũ “các chư Phật, chư Thánh, chư Mẫu” và lý giải bằng huyền tích về sự hiển linh của Bà Mẫu trên vùng địa linh theo mô thức dân gian là “có thờ có thiêng, có kiêng có lành”. Cụ thể trên Linh Sơn này, Bà Đen được thờ trên điện nằm trong khuôn viên của các chùa theo dạng “tiền Phật hậu Thánh” hoặc “tiền Thánh hậu Phật”. Nhưng cũng có khi được hòa nhập trong dạng thức Phật - Mẫu để thành Linh Sơn Thánh Mẫu Bồ Tát.

Chúng ta biết rằng, theo tín ngưỡng thờ Mẫu (Tam phủ, Tứ phủ) ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ thì mỗi vị Thánh Mẫu của người Việt sẽ có nhiệm vụ, vai trò cai quản những “phủ” khác nhau. Nhưng trên vùng đất Nam Bộ thực tiễn đời sống có khác, với điều kiện sông nước nhiều và rất quan trọng dẫn đến yếu tố “nước” nổi trội trong đời sống tinh thần mọi người. Ngay cả như vậy, thì vị thần chủ của vùng đất cũng phải được tín thờ nhất. Do đó, không khó hiểu ở đây Bà Đen mới là vị thần có quyền uy cao nhất trên vùng núi thiêng này. Về hình thức thể hiện và ngạch trật thì Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thoải hay Bà Tráng (Neang Mé Sar) không được đứng ở vị trí ngang hàng với Bà Đen - Bà Chúa Xứ. Cụ thể trong chính điện Linh Sơn Tiên Thạch tự có bày tượng thờ của ba vị Thánh Mẫu, nhưng chỉ Linh Sơn Thánh Mẫu (khoác áo màu vàng - màu trung tâm theo quan niệm ngũ hành) mới được ngự ở

vị trí cao nhất trên diện thờ. Có thể nói, hành động “tôn trọng bản địa” được biểu thị đậm nét qua sự tôn vinh này, do đó các Thánh Mẫu thuần Việt cho dù có linh thiêng đến đâu cũng chỉ đứng ở vị trí khiêm tốn hơn so với Bà Đen - Thượng Thượng Đẳng Thần có uy linh hơn.

Giữa vùng ảnh hưởng sâu đậm của văn minh Ấn Độ, người Việt trước hết chủ động “Việt hóa” ở mức độ cao nhất hình tượng Bà Mẹ Xứ Sở của người Champa và Bà Chúa Xứ của người Khmer bởi sự gần gũi với tín ngưỡng thờ Mẹ (Thánh Mẫu, Phật Bà) của người Việt. Chính dạng thức này đã tạo nên hình tượng Linh Sơn Thánh Mẫu trên vùng núi Bà Đen. Sự hỗn dung ba dòng tôn giáo, tín ngưỡng của Khmer (Neang Khmau) + Chăm (Muk Juk) và Việt (Thánh Mẫu) đã tạo nên hệ thống tín thờ đa dạng và là chất keo gắn kết giữa cư dân bản địa với cộng đồng mới tới, đồng thời truyền tải thông điệp và tuyên ngôn của người Việt về tinh thần hòa hợp, hòa bình, tự nguyện ở môi trường cộng sinh mà trong đó, tất cả các bên đều có thể chấp nhận. Sách *Đại Nam nhất thống chí* từng viết về quá trình thâm nhập, đồng thời là phương cách “thế chỗ” dần những yếu tố bản địa bằng yếu tố Việt của người dân vùng núi Bà Đen như sau: “Thỉnh thoảng có người nhặt được cổ khí bằng đồng, bằng đá. Tương truyền trong hồ có thấy chiếc chiêng đồng, giống như việc “Khánh nổi ở bến sông Tứ” và việc “được chuông ở sông Trường Giang” nhưng đến gần thì biến mất. Lại có khi giữa đêm thanh vắng thấy thuyền rồng lênh đênh, múa hát du dương và có rùa vàng nổi chìm, lớn chừng hơn một trượng. Đó là khí thiêng đúc kết, không phải là việc quái đản. Núi còn có tên là núi Điện Bà. Năm Tự Đức thứ 3 đổi tên gọi hiện nay, ghi vào điển thờ” (18). Chính trong quá trình “Nam tiến”, người Việt đã thâm nhập các tôn giáo, tín ngưỡng bản địa và ngoại lai để tạo ra một

hệ thống tín ngưỡng thờ đa dạng ở núi Bà Đen hiện nay. Vì vậy, cùng với các diện thờ Bà Đen, trên núi còn có hệ thống động Ba Cô để thờ các Cô, Cậu. Ở khuôn viên chùa Hang (Long Châu tự), bên trong có thờ Bà Đen và Bà Trắng. Bên cạnh đó, ở hầu hết những nơi có diện thờ Bà cũng đều có miếu thờ ông Tà (Nieaktà) cũng như các ban thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế và Địa Tạng Bồ Tát, Quan Thế Âm Bồ Tát, Diêu Trì Địa Mẫu, Phật Thích Ca, Thập Điện Diêm Vương, Hộ pháp, Tứ vị Sơn Thần (Đông phương Sơn Thần, Tây phương Sơn Thần, Nam phương Sơn Thần, Bắc phương Sơn Thần).

Tuy người dân vẫn giữ tên gọi là Bà Đen vừa để biểu thị sự “tôn trọng bản địa”, vừa để gọi lại nguồn gốc Khmer và Chăm của Bà, nhưng đã được chuyển hóa thành huyền tích đậm chất Việt với nhiều lần hiển linh cứu độ cho người cai trị, quản lý vùng đất cũng như người dân trong vùng. Chẳng hạn, sau khi trở thành Linh Sơn Thánh Mẫu, Bà Đen được biết thêm qua huyền tích là vị thần báo mộng cứu giúp Nguyễn Phúc Ánh khi còn tranh chấp với quân Tây Sơn trong những năm cuối thế kỷ XVIII. Để tri ân Bà, sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã cho người đúc tượng bà bằng đồng đen để thờ và sắc phong cho Bà là Linh Sơn Thánh Mẫu. Vì thế, điện Bà được xây dựng khang trang hơn vào cuối thế kỷ XIX. Lần báo mộng sau đó của Bà Đen ứng hiện giúp cho Lê Văn Duyệt thắng trận. Điều này nhằm phản ánh và ghi nhận vai trò của triều Nguyễn trong việc tạo dựng cuộc sống mới cho cộng đồng cư dân xung quanh núi Bà Đen.

Quá trình “Việt hóa” những yếu tố bản địa cũng là quá trình dần khẳng định những yếu tố Việt trên vùng đất phương Nam, đồng thời phản ánh những ảnh hưởng vượt trội của yếu tố Việt thông qua sự hiện diện của nhiều vị thần gốc Bắc hoặc vị trí khiêm tốn, ẩn tàng của hệ thống

thần bản địa trên các ban thờ gắn liền với những mốc son của người Việt trên lãnh thổ mới khai phá. Ba huyền tích nhưng đến nay chỉ huyền tích về nàng Lý Thị Thiên Hương là được ghi chép và truyền miệng rõ nhất cho thấy quá trình lắng dần các lớp trầm tích văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng của người Khmer và người Chăm đồng thời khẳng định tính vượt trội, “thế chỗ” của lớp tôn giáo, tín ngưỡng Việt. Trong diễn trình giao thoa, tiếp biến lẫn nhau, yếu tố thần bản địa được tôn trọng một cách hợp lý nhất để tạo nên sung khí phát triển trên vùng đất phương Nam. Diễn trình này được hình thành, chuyển hóa dần từ các ngôi đền vốn thờ thần trở thành những ngôi điện thờ Mẫu hoặc chùa thờ Phật Bà đồng thời cũng là điểm thờ các Thánh Mẫu. Đền Bà Chúa Xứ ở Nam Bộ nói chung, các điện thờ Bà Đen ở Tây Ninh nói riêng hội tụ đầy đủ bốn chức năng tín thờ cần thiết: thiên thần, thủy thần, sơn thần, nhân thần và khi thỉnh các Phật Bà vào góp mặt, những không gian thiêng này lại càng tăng tính năng, đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân. Cuộc giao thoa tôn giáo, tín ngưỡng diễn ra dường như không tạo ra những xung đột gay gắt. Từ góc độ lịch sử di dân về phương Nam cho thấy, người Việt đã thành công trong việc tiếp thu yếu tố bản địa trên con đường thiên di về phương Nam để bổ sung vào đời sống tâm linh của mình ở vùng đất mới. Bà Mẹ Xứ Sở của người Chăm có nét tương đồng với các Thánh Mẫu của dân Việt cũng như Mẹ Lúa, Bà Chúa Xứ của người Khmer, Mẹ Xứ Sở của người Chăm. Thực tế cho thấy, hình tượng Mẹ Xứ Sở - Bà Chúa Xứ - Thánh Mẫu hiện diện khắp nơi theo bước chân mở đất của người Việt: ở vùng Quảng Bình - Huế (Bà Trờ áo Xanh - Thiên Mục, Bà Viên, Thái Dương Phu Nhân, Kỳ Thạch Phu Nhân, Cô Gái áo Xanh - Trảo Trảo Linh Thu Phổ Trạch Tướng Hựu Phu nhân, Bà Giàng, Tứ

Vị Thánh Nương, Bà Chúa Ngọc, Thiên Y A Na Diễn Phi Ngọc); ở vùng Quảng Nam - Nha Trang (Bà Đại Càn, Bà Chúa Ngọc, Nam Hải Tứ Vị Thánh Nương, Bà Chúa Lôi, Bà Yàng, Tứ Vị Thánh Nương, Bà Chúa Sắt (Thiết Phi), Po Inư Nagar, Thiên Y A Na Ngọc Diễn Phi, Thiên Y A Na Diễn Bà, Po Nagar); ở vùng Ninh Thuận (Po Inư Nagar); ở vùng Bình Thuận (Thiên Y A Na); ở vùng Trà Vinh (Bà Om); ở vùng An Giang (Bà Chúa Xứ Thánh Mẫu); ở vùng Cà Mau và Bạc Liêu (Bà Mã Châu - Má Tổ của người Hoa, Chúa Ngọc Nương Nương); trên đảo Phú Quốc (Chúa Ngọc Nương Nương, Long Hải Nương Nương),... và ở tiểu vùng văn hóa thuộc tỉnh Tây Ninh này là Bà Đen (nữ thần Neang Khmau nhưng mang dáng dấp của nữ thần Muk Juk đồng thời được “Việt hóa”, “Phật hóa” để thành Linh Sơn Thánh Mẫu hoặc Linh Sơn Thánh Mẫu Bồ Tát). Bà Đen vừa là thần chủ của vùng núi linh thiêng, đồng thời trở thành biểu tượng cho sự dung hợp tôn giáo, tín ngưỡng Việt - Chăm - Khmer.

3. Kết luận

Núi Bà Đen - nơi thờ vị nữ thần chủ (Bà Đen), đã trở thành nơi tụ hội tâm linh của đất Tây Ninh nói riêng, vùng Nam Bộ nói chung. Nhiều dòng tôn giáo, tín ngưỡng dân gian của các nhóm người Khmer - Việt - Chăm - Hoa hiện diện nơi này trong mối quan hệ, giao thoa mạnh mẽ với nhau. Cách bài trí và thờ phụng thể hiện thái độ thâm nạp tôn giáo, tín ngưỡng dưới dạng thức “kính nhi viễn chi” hoặc khu trú những yếu tố Chăm, Khmer vào trong tôn giáo, tín ngưỡng Việt. Theo đó, ngoài điện thờ vị thần chủ là Bà Đen (Thượng Thượng Đẳng Thần), trên núi còn có nhiều chùa, am, động, miếu,... tạo thành một hệ thống thờ tự đa dạng. Các lớp tôn giáo, tín ngưỡng của các cộng đồng khác nhau nhưng mang cùng một hàng số là nền văn hóa nông nghiệp kết hợp với nhau tạo

thành một sự hỗn dung sâu sắc ở vùng đất Tây Ninh, trong đó núi Bà Đen trở thành một trong những thánh địa lớn. Và Bà Đen cũng biểu hiện rõ nhất cho sự hỗn dung ấy.

Qua nhiều thế hệ, các cộng đồng người Khmer, Champa và Việt ở quanh vùng núi Bà Đen, đã gắn bó keo sơn, cùng chung lưng đấu cật xây dựng cuộc sống. Sự giao thoa trên lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng theo

CHÚ THÍCH

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 248.

(2). Huỳnh Minh, *Tây Ninh xưa và nay*, Nxb. Sài Gòn, Sài Gòn, 1972, tr. 15.

(3). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr. 166

(4). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, Biên Hòa, 2006, tr. 110.

(5). Lê Quý Đôn hẳn có sự nhầm lẫn khi xác định số lượng quân Chân Lạp và nhóm người Champa trong sự kiện này, do đó trong *Phủ biên tạp lục* ông đã ghi: “*Ất Hợi, Thiên chính hầu lui quân về đóng ở Mỹ Tho, sai binh Côn Man Thuận Thành đem xe cộ từ Kha Tung xuống đóng đồn ở Bình Thạnh. Đỉnh tráng có hơn một vạn người... Cư Trinh bèn đón người Côn Man cả trai gái hơn ba vạn đến đóng ở chân núi Bà Đĩnh... Người Côn Man đã phụ theo, bèn đánh lấy Cầu Nam và Nam vang,... thu phục được ba vạn người Côn Man ở Thuận Thành, bắt vua nước Cao Miên là Ông Nguyên hàng phục, lập Ông Tôn lên thay* (Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 69; 243).

(6). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr. 164.

(7). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 4, Nguyễn Thế Đạt, Trương Văn Chính, Nguyễn Danh Chiên, Ngô Hữu Tạo, Nguyễn Mạnh

Đó diễn ra mạnh mẽ. Trong diễn trình ấy, người Việt luôn sẵn sàng thấu nhận các tôn giáo, tín ngưỡng khác và dần trở thành yếu tố chủ đạo, nổi trội và thắng thế. Văn hóa Việt nói chung, tôn giáo, tín ngưỡng Việt nói riêng như những dòng phù sa êm ả dần phủ lấp khắp vùng Nam Bộ mà núi Bà Đen là một thánh địa, một trong những điểm hội tụ tiêu biểu.

Duân, Đỗ Mộng Khương dịch, Hoa Bằng hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 23.

(8). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 4, Nguyễn Thế Đạt, Trương Văn Chính, Nguyễn Danh Chiên, Ngô Hữu Tạo, Nguyễn Mạnh Duân, Đỗ Mộng Khương dịch, Hoa Bằng hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 988.

(9). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 240 - 241.

(10). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 4, Nguyễn Thế Đạt, Trương Văn Chính, Nguyễn Danh Chiên, Ngô Hữu Tạo, Nguyễn Mạnh Duân, Đỗ Mộng Khương dịch, Hoa Bằng hiệu đính, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 988 - 989.

(11). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, Biên Hòa, 2006, tr. 109.

(12). Núi Bà Đen còn được gọi với những tên khác như Bà Dinh - Bà Đĩnh - Bà Đênh - Linh Sơn - Vân Sơn - Quả Một - núi Bà hay núi Điện Bà. Tuy nhiên, danh xưng Bà Đen vẫn thông dụng nhất mang ý nghĩa là ngọn núi có điện thờ Bà Đen.

(13). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 247.

(14). Theo khảo sát thực địa của tác giả (vào tháng 8/2019), chỉ riêng quần thể núi Bà Đen hiện có tới 6 ngôi chùa gắn liền với 6 điện thờ Bà Đen:

Điểm thờ cao nhất (tính từ trên đỉnh núi xuống) tại khuôn viên của Quan Âm tự. Tại đây, Bà Đen được thờ trong điện Linh Sơn dưới dạng

thức một Thánh Mẫu da đen, đội mũ thiên phụng, khoác áo màu đỏ thêu rồng. Điện Linh Sơn được đặt ngoài sân chùa, đối diện với điện Tam Cô;

Điểm thờ thứ hai nằm trong khuôn viên chùa Hang (Long Châu tự). Điện thờ chính được bố trí để thờ 2 Bà gồm: Bà Đen (Linh Sơn Thánh Mẫu) có màu da đen, đội mũ thiên phụng, khoác áo đỏ thêu rồng và bên cạnh là Bà Chúa Xứ có màu da trắng, đội mũ thiên phụng, khoác áo đỏ thêu rồng. Bên cạnh chính điện còn có một điện thờ Diên Trì Thánh Mẫu có màu da trắng, đội mũ thiên phụng, khoác áo màu đen thêu rồng. Hai bàn tay kết ấn dạng ban phát giống như lối kết ấn quen thuộc của Quan Thế Âm Bồ Tát;

Điểm thờ thứ ba tại khuôn viên chùa Hòa Đồng. Tại đây có hai điện thờ Bà Đen. Trong chính điện của chùa Hòa Đồng, Bà Đen (Linh Sơn Thánh Mẫu) hiện thân trong bộ dạng da trắng, đội mũ thiên phụng, khoác áo màu đỏ thêu rồng. Trong dạng thức thứ nhất này, Bà Đen còn được thâu nạp luôn cả quyền năng của Quan Thế Âm Bồ Tát để thành "Linh Sơn Thánh Mẫu Bồ Tát". Tượng Bà Đen thứ hai với tên Linh Sơn Thánh Mẫu được đặt thờ ở động Thanh Long thuộc khuôn viên chùa Hòa Đồng. Nơi đây, Bà hiện linh trong dạng thức da trắng, đội mũ thiên phụng, khoác hoàng bào thêu rồng;

Điện thờ Bà Đen lớn nhất tọa lạc tại Linh Sơn Tiên Thạch tự. Đây là vị trí thứ tư tính từ đỉnh núi xuống. Ngôi chùa được tạo lập từ thế kỷ XVIII, cũng là ngôi chùa cổ nhất trên núi Bà Đen, tọa lạc ở vị trí có địa hình rộng và khá bằng phẳng. Tại đây đặt bia đá nói về huyền tích Bà Đen. Linh Sơn Tiên Thạch là tên của điện thờ Bà Đen nằm bên cạnh Linh Sơn tự. Ngôi điện này còn có những tên gọi khác như chùa Bà, chùa Thượng hay chùa Phật. Theo đó, Bà Đen được bố trí một điện thờ riêng với tên gọi Điện Bà Linh Sơn Thánh Mẫu. Đáng chú ý, ngay trước điện thờ Bà Đen đã được nhà chùa bố trí Quan Thế Âm Bồ Tát với bộ dạng một tay cầm bình Cam Lộ, tay kia kết ấn ở tư thế ban phát. Trong khi đó, Bà Đen (Linh Sơn Thánh Mẫu) lại được gắn thêm một cái tên nữa là Diêu Trì Địa Mẫu. Bà Đen nhưng ở dạng thức có da trắng, đội mũ thiên phụng, khoác áo màu đen thêu

rồng và đứng trong tư thế hai tay kết ấn ban phát giống với Quan Thế Âm Bồ Tát trước điện thờ Bà. Điểm thờ chính của Linh Sơn Tiên Thạch tự là động thờ Bà. Tại đây Bà Đen được mang tên là Linh Sơn Thánh Mẫu Bồ Tát. Thực tế trên ngai thờ lại được bố trí 3 tượng Bà: Tượng Bà Đen ở vị trí cao nhất trong bộ dạng da đen, đội mũ thiên phụng, khoác hoàng bào thêu rồng. Tiếp xuống là tượng Bà Trắng trong dạng thức một pho tượng bằng đá trắng (bạch ngọc thạch) nguyên khối, da trắng, khoác áo trắng. Vị trí cuối cùng trên điện thờ này là một tượng Thánh Mẫu bằng đồng trong bộ dạng da đen, khoác áo màu đen;

Điểm thờ thứ năm là trong khuôn viên Long Châu Trung tự. Từ tam quan chùa vào, điện Bà nằm ngay bên phải sân chùa. Tại đây, tượng Bà Đen được đặt trên điện thờ chính và trên vị trí cao nhất trong bộ dạng da trắng, đội mũ thiên phụng, khoác áo đỏ thêu rồng. Ở hàng dưới có ngũ vị Thánh Mẫu (Thánh Nương). Chúng ta dễ dàng nhận ra cách bài trí giống mô thức của đa số các điện, phủ thờ Mẫu của người Việt vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Nhưng ở đây, tượng Bà Đen (Linh Sơn Thánh Mẫu) được đặt trên vị trí Thượng Thượng Đẳng Thần, hơn hẳn một bậc so với các Thánh Mẫu còn lại;

Điểm thờ thứ sáu tại Linh Sơn Phước Trung tự, dưới chân núi Bà. Bên trong chính điện của chùa, Bà Đen được bố trí ngự trên bàn thờ đối diện với bàn thờ Phật Thích Ca. Ở đây Linh Sơn Thánh Mẫu cũng được tạo tác trong bộ dạng một vị Thánh Mẫu da trắng, đội mũ thiên phụng, khoác áo đỏ thêu rồng. Bà được bố trí riêng một ban thờ, ngay bên phải là bàn thờ Diêu Trì Địa Mẫu, còn bên trái có bàn thờ Quan Thế Âm Bồ Tát.

Đáng chú ý, ở Tây Ninh hiện nay, còn có rất nhiều miếu, chùa có thờ Linh Sơn Thánh Mẫu: tổ đình Linh Sơn Phước Lâm (Vĩnh Xuân, TP. Tây Ninh), chùa Phước Lưu, chùa Hội Phước, chùa Vĩnh An, chùa Tịnh Lý, chùa Phước Thạnh, chùa Phước Huệ, chùa Hội Phước Hòa, chùa Phước Bình, chùa Giác Minh, chùa Giác Nguyên (thị xã Trảng Bàng), chùa Linh Sơn Thanh Lâm, chùa Phước Ân, chùa Phước Minh (huyện Gò Dầu), chùa

Thiên Lâm (tức chùa Gò Kén, thị xã Hòa Thành), chùa Hạnh Lâm, chùa Cổ Lâm (huyện Châu Thành),... Ngoài ra còn một số nơi khác ở Nam Bộ cũng thờ Linh Sơn Thánh Mẫu. (<https://doanhnhanplus.vn/linh-son-thanh-mau-o-tay-ninh-488401.html>, cập nhật ngày 19/3/2020).

(15). Truyền thuyết dân gian cho rằng, ngày xưa, chủ của vùng núi là người một phụ nữ Khmer (nhiều người còn cho là một người phụ nữ Phù Nam - TG chú thêm) có tên là Rê Deng. Do người đời sau phát âm lái thành Đen, từ đó trở thành bà Đen. (<http://binhphuocittpc.gov.vn/ITTPC-Binh-Phuoc/92/1438/10540/49330/Nhin-ra-tinh-ban/Nui-Ba-Den---Ngon-nui-cao-nhat-mien-Nam.aspx>, cập nhật ngày 22-3-2020).

(16). Truyền thuyết dân gian kể về một cô gái mang tên Lý Thị Thiên Hương (có màu da đen sậm), quê ở Trảng Bàng, hay văn giỏi võ, thường hay lên núi Quả Một (tên gọi cũ của núi Bà Đen) cúng Phật. Trên núi có một ngôi chùa thờ tượng Phật rất linh thiêng. Vì đường lên núi rậm rạp, thường có nhiều loại hổ báo ẩn náu, nên dân chúng thường đi theo từng nhóm để hỗ trợ nhau khi bị thú dữ tấn công. Lý Thị Thiên Hương đã gặp một người con trai trong làng tên Lê Sĩ Triệt và hai người đem lòng thương yêu nhau tha thiết. Một lần nọ, cô bị một tên quan tham háo sắc trong làng ức hiếp và muốn cha cô gả con gái cho hắn. Sau khi biết tin, vì không muốn người mình thương yêu phải lấy tên tham quan đó nên Lê Sĩ Triệt đã ra tay cứu người yêu. Cứu được nàng rồi, hai người kết duyên vợ chồng và chung sống với nhau rất hạnh phúc. Khi đó, Nguyễn Phúc ánh đang cho người đi chiêu mộ quân sĩ để đánh lại quân Tây Sơn, Lê Sĩ Triệt đã đầu quân cho Nguyễn Phúc ánh. Lý Thị Thiên Hương ở nhà lên núi cầu Phật mong chồng sớm quay về thì bị bọn cướp vây bắt. Cô nhanh chóng chạy vào rừng hòng thoát thân và mất tích từ đó. Đến thời vua Minh Mạng, trên chùa có một vị sư già làm trụ trì. Một hôm nọ, khi đang tụng kinh niệm Phật thì nhà sư phát hiện bóng một cô gái xinh đẹp hiện ra, nói rằng: "Ta đây họ Lý, khi 18 tuổi bị bọn cướp vây

bắt, nên chẳng may ngã xuống vực chết, nay đắc quả, xin hòa thượng xuống triền núi phía Đông Nam, tìm thi hài của ta và chôn cất giùm". Nhà sư y lời đi tìm xác cô đem về chôn cất. Dân chúng trong vùng ca ngợi tấm lòng trinh trắng, trung hậu của Lý Thị Thiên Hương, đã cho xây dựng điện thờ. Vì cô có nước da đen nên người dân gọi bằng tục danh là Bà Đen, đồng thời cũng gọi tên ngọn núi Quả Một thành núi Bà Đen. (http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/14502/Tin_nguong_tho_Ba_Den_o_Nam_Bo_Qua_nghien_cuu_khu_du_lich_Nui_Ba_Den_Tay_Ninh, cập nhật ngày 22/3/2020).

(17). Truyền thuyết dân gian này kể lại rằng, thừa xưa tại vùng núi Tây Ninh có viên quan Trần thủ địa phương sinh hạ được người con gái đặt tên là Đênh,... Đến tuổi cập kê, có con trai của viên tri huyện trấn nhậm ở Trảng Bàng (cũng thuộc Tây Ninh) ngõ ý cầu hôn. Thấy xứng đôi vừa lứa, gia thế đôi bên cũng thuộc loại môn đăng hộ đối, cha mẹ nằng Đênh nhận lời. Thế nhưng nàng Đênh có ý nguyện xuất gia cầu đạo, không tính đến chuyện lập gia đình, nên một mực từ chối. Một đêm, khi cả nhà đang yên giấc ngủ, nàng Đênh lên ra đi, định tìm đến tá túc tại ngôi chùa trên núi. Thế nhưng, chẳng may trên đường đi, nàng bị cộp vô. Hôm sau, đến khi gia nhân theo lệnh viên quan trấn thủ đi tìm thì nàng đã bị cộp ăn thịt, chỉ còn sót lại một chân nằm ở nơi kẹt đá. Được tin, song thân nàng vô cùng đau đớn, đành cho quân lính mai táng phần thi thể còn lại ở trên núi và cho xây miếu thờ. Hôm đó là ngày mừng năm tháng năm âm lịch. Dân địa phương cho rằng cái chết củng Đênh là chết oan, thế tất phải linh hiển, từ đó hề có việc gì khó khăn, họ thường đến nói miếu cúng bái, mong được phù hộ. [Nhiều tác giả, *Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 1552- 1553].

(18). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí, tập 5*, Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 247.